



**Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**

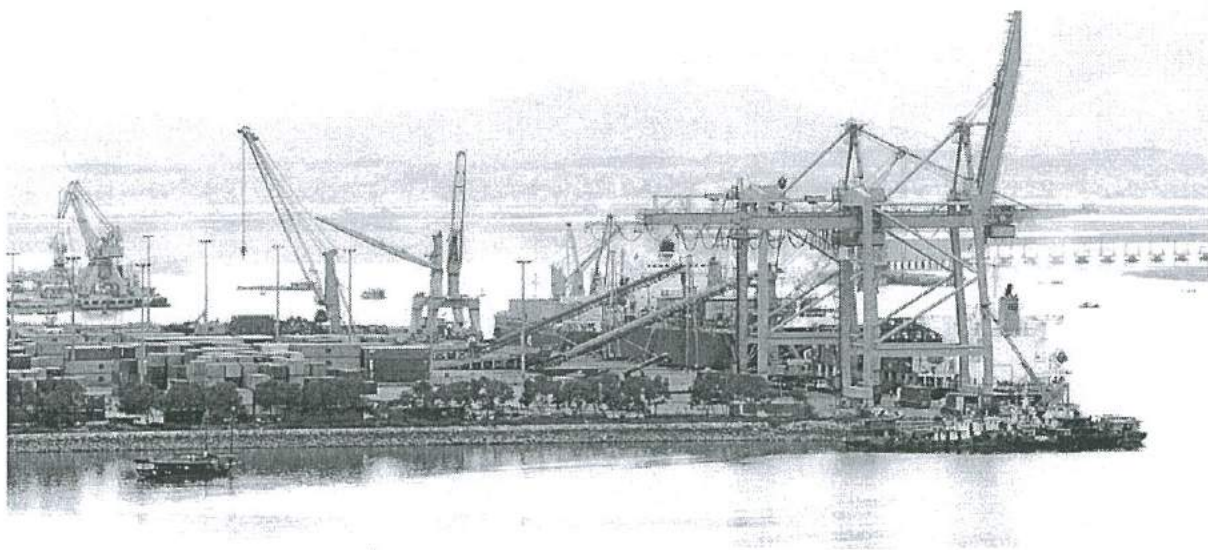
Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh  
Quảng Ninh

Số điện thoại: (84-33) 825624

Số fax: (84-33) 826118

Website: <http://quangninhport.com.vn/>

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



Quảng Ninh, tháng 04 năm 2016

M.S.D



## I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014
- Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (*Năm trăm tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-33) 825624
- Số fax: (84-33) 826118
- Website: <http://quangninhport.com.vn/>
- Mã cổ phiếu: không có

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 29/8/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Công ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hòn Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Từ khi cổ phần hóa tới nay Công ty chưa tiến hành tăng vốn. Ngày 22/8/2014 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 đến nay.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo Công văn số 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014; Công văn số 20/TTg-ĐMDN ngày 9/3/2015 và của Bộ trưởng Bộ GTVT tại Công văn số 104/BGTVT-QLDN



ngày 23/3/2015 và Quyết định số 1047/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2015, ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn Nhà nước sở hữu tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (98,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh).

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### ✦ *Ngành nghề kinh doanh*

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

**Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết:</i> - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng <i>(Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245);</i>	5224 (Chính)
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;	2592
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
4.	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; <i>Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu</i>	4730
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)</i>	5210
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm)	4669
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5021
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; <i>Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải</i>	5222
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; <i>Chi tiết:</i> <i>- Giao nhận hàng hóa</i> <i>- Kinh doanh dịch vụ Logistic</i> <i>(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)</i>	5229
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
24.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

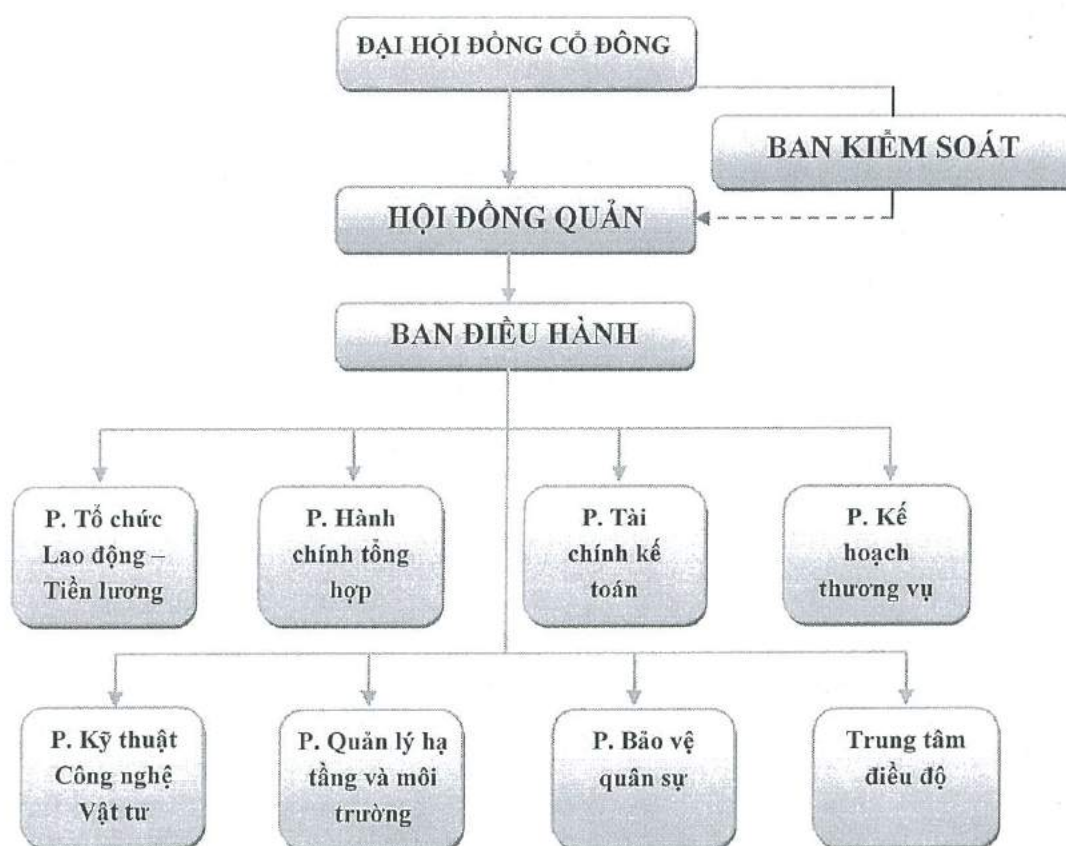
✦ *Hoạt động chính của công ty*

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Doanh thu cung cấp dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải.

✦ *Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh*

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

✦ *Mô hình quản lý công ty*



✦ *Các công ty con, công ty liên kết:*

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- ❖ Tập đoàn T&T – Công ty cổ phần



- Trụ sở chính : Số 18, phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn điều lệ : 5.000.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu tại Cảng Quảng Ninh : 98,33% vốn điều lệ
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ  
Không có.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan  
Từ năm 2009 – 2015, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã đầu tư góp vốn vào bốn (04) công ty cùng ngành là các công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và một (02) công ty ngoài ngành cụ thể như sau:
  - Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistic: 1.000.000.000 đồng - chiếm 0,7%
  - Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.000.000.000 đồng – chiếm 24%
  - Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2013 vốn góp đầu tư vào CPI là 53.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 28.449.400.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 6,73%
  - Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 878.160.000 đồng – chiếm 0,011%
  - Góp vốn vào Công ty Vietracimex để thực hiện dự án khách sạn Ngôi Sao Hạ Long (văn phòng cũ) số 6 Lê Thánh Tông thành phố Hạ Long với vốn góp 8.059.638.000 đồng.
  - Góp vốn vào Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP với giá trị vốn góp 110.000.000.000 đồng.

## 5. Định hướng phát triển

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tin nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm

qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Với định hướng phát triển của Cảng biển như nêu trên đặc biệt là kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển đảm bảo lưu thông hàng hóa đến năm 2020 rất phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty, tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới.

Hiện nay doanh thu chủ yếu là các dịch vụ đơn thuần bốc xếp, giao nhận, lưu kho bãi tại khu vực trong cảng, các hoạt động dịch vụ ngoài cảng hầu như là chưa có, do vậy doanh thu còn thấp chưa xứng với tiềm năng khai thác của Cảng. Để góp phần tăng doanh thu và nâng cao chất lượng dịch vụ hàng hóa cũng như đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong thời gian tới Cảng Quảng Ninh sẽ đầu tư phương tiện, trang thiết bị cũng như nâng cao về chuyên môn cho đội ngũ lao động để phát triển thêm các dịch vụ hàng hải như: logistics, vận tải, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ đại lý hàng hải. Vì vậy, trong những năm đầu sau cổ phần hóa, doanh thu của Công ty dự kiến sẽ phải bù đắp phần chi phí đã đầu tư cho trang thiết bị, dẫn đến lợi nhuận và mức cổ tức thấp và sẽ tăng dần trong những năm tiếp theo.

## 6. Các nhân tố rủi ro

### ❖ Rủi ro về luật pháp:

- Hạ tầng giao thông kết nối với các khu kinh tế, khu công nghiệp chưa được cải thiện, cụ thể:

✓ Quốc lộ 18A đã nâng cấp một phần nhưng vẫn còn chật hẹp, mật độ phương tiện đông đúc, hạn chế tốc độ lưu chuyển.

✓ Hệ thống đường sắt vào cảng tuy đã thử nghiệm nhưng vẫn chưa thực sự thu hút được nhiều hàng hóa đưa hàng đến cảng.

- Hệ thống cầu cảng luôn trong tình trạng tắc nghẽn, không đáp ứng đủ nhu cầu do số lượng tàu lớn về cảng ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, do tình trạng sa bồi tại bến 1 nên chỉ tiếp nhận được tàu có tải trọng dưới 20.000 DWT.

- Cạnh tranh bởi cảng CICT: do hiện nay CICT không thu hút được hãng tàu container nên đã chuyển sang công năng khai thác hàng rời dăm gỗ, thức ăn chăn nuôi và các loại hàng rời khác. Mới đây CICT còn được Cục Hàng hải Việt Nam đồng ý cho phép khai thác các tàu đến 85.000 DWT với mớn nước phù hợp vào làm hàng.

- Cạnh tranh bởi các Công ty xếp dỡ tư nhân ngoài vùng neo. Hiện nay, nhiều Công ty xếp dỡ tư nhân đã tham gia xếp dỡ hàng hóa ngoài vùng neo với giá cước rất thấp dẫn đến thị trường xếp dỡ hàng hóa tại khu vực này càng gây khó khăn nhất định đối với cảng Quảng Ninh.

- Việc siết tải trọng xe đường bộ dẫn đến vận chuyển bằng đường bộ giảm so với trước đây, ngược lại tăng vận chuyển bằng đường thủy (sà lan) dẫn đến cầu bến xuống hàng sà lan luôn thiếu và chưa thể đầu tư kịp.



- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chưa chủ động thay đổi theo mô hình quản trị mới của Tập đoàn, vẫn còn tư tưởng cơ chế doanh nghiệp nhà nước nên công việc triển khai đôi lúc còn thụ động và chậm về tiến độ.

- Hệ thống quy trình, quy định chưa được chuẩn hóa và còn thiếu dẫn đến hiệu quả không cao, thời gian tác nghiệp bị kéo dài.

- Trang thiết bị, CCDC được đầu tư đã lâu, hoạt động liên tục nên bị hỏng hóc thường xuyên dẫn đến giảm năng suất lao động và khả năng giải phóng tàu.

#### ❖ **Rủi ro về luật pháp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

#### ❖ **Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

#### ❖ **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2015	Tăng trưởng (%) so với	
						KH	2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu SXKD</b>						
1	Sản lượng thông qua	Tấn	6.467.280	7.000.000	8.433.975	20,49	30,41
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn	6.591.552	7.350.000	8.791.876	19,62	33,38
3	Số tàu ra vào cảng	Lượt tàu	316	390	392	0,51	24,05
4	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	321,0	340	421,0	23,83	31,15
5	Lợi nhuận trước thuế	"	13,0	22	46,9	113,18	260,16
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	569,7		634,1		11,30
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	507,2		541,5		6,76
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	322,1	340	426,9	25,56	32,52
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,1	17	38,8	128,23	284,16
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu lao động</b>						
1	Số lượng lao động	Người	886	888	874	-1,58	-1,35
2	Thu nhập bình quân tháng	Tr.đ/người	8,2	9	10,1	12,2	23,17

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban lãnh đạo

##### Hội đồng quản trị

✦ Trước ngày 08/8/2015 – Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Quách Đình Phú	Thành viên HĐQT
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Thanh Hải	Thành viên HĐQT



✦ Sau ngày 08/8/2015 – Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đình Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc

**Ban kiểm soát**

✦ Trước ngày 08/8/2015 – Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên ban kiểm soát

✦ Trước ngày 08/8/2015 – Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên ban kiểm soát

✦ Ngày 15/4/2016 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên ban kiểm soát

**Kế toán trưởng**

Ông Lê Trung Dũng	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

2.2. Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<b>Hội đồng quản trị</b>		
<b>1. Chủ tịch HĐQT: Phạm Ngọc Tuấn</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CMND : 011712680 cấp ngày 05/4/2012 tại CA Hà Nội</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày tháng năm sinh : 11.1.1969</li> <li>- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Q18-7, Nguyễn An Ninh, Hà Nội</li> <li>- Trình độ văn hóa : 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn :</li> <li>+ Thạc sỹ Quản trị Tài chính doanh nghiệp (ĐH Đà Nẵng – Hightmark USA)</li> <li>+ Kiến trúc sư (ĐH Kiến trúc Hà Nội)</li> <li>- Ngoại ngữ : Anh văn trình độ C</li> <li>- Quá trình công tác:</li> <li>+ Giám đốc dự án liên doanh Tư vấn M.E.I</li> <li>+ Phó Giám đốc CN.MT Công ty CP Tài chính và PTĐN</li> <li>+ Phó Tổng giám đốc Tập đoàn T&amp;T</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần.</li> <li>- Số lượng cổ phần đại diện : 49.212.432 cổ phần (của Tập đoàn T&amp;T)</li> <li>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</li> <li>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</li> <li>- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có</li> </ul>
<b>2. Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CMND : 100807003 cấp ngày 15/01/2013 tại CA tỉnh Quảng Ninh.</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày tháng năm sinh : 29/7/1963</li> <li>- Quốc tịch : Việt Nam                      Dân tộc : Kinh</li> <li>- Quê quán : Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 4D, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh</li> <li>- Trình độ văn hóa : 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế công nghiệp.</li> <li>- Lý luận chính trị : Cao cấp</li> <li>- Ngoại ngữ: Bằng C tiếng Anh</li> <li>- Tin học : Trình độ A</li> <li>- Quá trình công tác</li> <li>+ Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Thương vụ Cảng Quảng Ninh;</li> <li>+ Phó Giám đốc Cảng Quảng Ninh;</li> <li>+ Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 27.264 cổ phần.</li> <li>- Số lượng cổ phần đại diện : Không có</li> <li>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</li> <li>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</li> <li>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</li> </ul>
<b>3. Thành viên HĐQT Đỗ Ngọc Khanh</b>		



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CMND : 111535338 cấp ngày 01/4/2011 tại CA Hà Nội</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày tháng năm sinh : 06/8/1983</li> <li>- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội</li> <li>- Trình độ văn hóa : 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật Hà Nội) - Luật sư</li> <li>- Ngoại ngữ: Anh văn trình độ C.</li> <li>- Các chức vụ đã đảm nhiệm:</li> <li>+ Giám đốc Ban Pháp chế kiêm Chánh văn phòng TGD kiêm Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT</li> <li>+ Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội</li> <li>+ TV HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ;</li> <li>+ TV HĐQT Công ty CP Đầu tư và xây dựng Tam Sơn;</li> <li>+ TV HĐQT Công ty CP Phát triển Bóng đá Hà Nội;</li> <li>+ TV HĐQT Công ty CP Đầu tư QNK Quảng Nam;</li> <li>+ Chủ tịch kiêm GD CLB Bóng bàn Hà Nội T&amp;T</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần.</li> <li>- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần</li> <li>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</li> <li>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</li> <li>- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có</li> </ul>
<p><b>4. Thành viên HĐQT Nguyễn Quốc Hưng</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CMND: 001082005035 cấp ngày 19/11/2014 tại Cục CS.DKQL Cư trú và DLQG về Dân cư</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày tháng năm sinh : 11/08/2982</li> <li>- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Hội Xá - Hương Sơn - Mỹ Đức - Hà Nội</li> <li>- Trình độ văn hóa : 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn :</li> <li>+ Thạc sỹ kinh tế Đại học Thương mại HN</li> <li>+ Cử nhân kinh tế Học viên Tài chính</li> <li>+ Chứng chỉ kế toán trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân</li> <li>+ Chứng chỉ hành nghề thuế Tổng cục Thuế</li> <li>- Các chức vụ đã đảm nhiệm:</li> <li>+ Phụ trách kế toán Trung tâm XNK 2 Công ty TM XD Hà Nội</li> <li>+ Trưởng phòng TCKT Công ty CP XD TM XNK</li> <li>+ Kế toán tổng hợp Công ty VT &amp; XD</li> <li>+ Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim loại Sao Phương Đông</li> <li>+ Phó giám đốc Ban Tài chính Công ty CP Tập đoàn T&amp;T</li> <li>+ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Quảng Ninh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần.</li> <li>- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần</li> <li>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</li> <li>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</li> <li>- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có</li> </ul>
<p><b>5. Thành viên HĐQT Nguyễn Văn Mạnh</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CMND: 012909287 cấp ngày 12/04/2008 tại CA Hà Nội</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày tháng năm sinh : 20/03/1978</li> <li>- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: P808 Nhà H - Đền Lừ I - Hoàng Mai - Hà Nội-</li> <li>- Trình độ văn hóa : 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân</li> <li>- Các chức vụ đã đảm nhiệm:</li> <li>+ Trưởng phòng kinh doanh Tập đoàn T&amp;T</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần.</li> <li>- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần</li> <li>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</li> <li>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</li> <li>- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có</li> </ul>



+ Phó giám đốc Công ty T&T Motor + Phó phòng KHTV Công ty CP Cảng Quảng Ninh		
<b>Ban Điều hành</b>		
<b>1. Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo:</b> như trên		
<b>2. Phó Tổng giám đốc Hoàng Trọng Tùng</b>		
- Số CMND : 100052977 cấp ngày 17/11/2007 tại CA Quảng Ninh - Giới tính : Nam - Ngày tháng năm sinh : 16/9/1960 - Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán : Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Địa chỉ thường trú : Tổ 1 Khu 8 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Lý luận chính trị : Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 12.400 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan : Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
<b>3. Phó Tổng giám đốc Đinh Anh Tuấn</b>		
- Số CMND : 100462878 cấp ngày 20/7/2012 tại CA Quảng Ninh - Giới tính : Nam - Ngày tháng năm sinh : 28/7/1966 - Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán : Yên Định, Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú : Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD Kinh tế công nghiệp & Xây dựng - Lý luận chính trị : Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 12.703 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan : Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
<b>4. Phó Tổng giám đốc Quách Đình Phú</b>		
- Số CMND : 100848521 cấp ngày 30/9/2009 tại CA Quảng Ninh - Giới tính : Nam - Ngày tháng năm sinh : 14/1/1964 - Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán : Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình - Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh - Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển nghiệp. - Lý luận chính trị : Cao cấp - Ngoại ngữ: Bằng A tiếng Anh - Tin học : Văn phòng - Quá trình công tác: + Phó Trưởng Khu xếp dỡ Hạ Long Cảng Quảng Ninh + Trưởng khu bến 1 Cái Lân Cảng Quảng Ninh + Trưởng Khu xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh + Giám đốc Công ty xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh + Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 9.955 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có





✦ **Chế độ làm việc**

Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất (con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác, có thể khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao và phát triển thì Công ty sẽ ngày càng phát triển hơn, tiềm năng hơn, lớn mạnh hơn.

Quan điểm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu của Công ty là: Tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp.

Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa. Qui hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng một chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nhân sự. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách thưởng :**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty. Tiền thưởng chỉ cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau :

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.
- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.
- Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.... Khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản suất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, ban điều hành vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động :**



- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong công ty còn được công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý ...
- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị hàng tháng, quý, 06 tháng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

➤ Tình hình công nợ hiện nay:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>70.552</b>	<b>78.800</b>	<b>102.090</b>	<b>36.399</b>
1	Phải thu của khách hàng	45.942	47.600	76.658	35.757
2	Trả trước cho người bán	20.637	27.134	25.023	10.471
3	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	4.842	4.065	6.450	1.419
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(868)	-	6.040	11.249
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>70.552</b>	<b>78.800</b>	<b>102.090</b>	<b>36.399</b>

➤ Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2015: 36.399 triệu đồng

➤ Các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>58.088</b>	<b>79.950</b>	<b>62.524</b>	<b>101.191</b>

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	36.488	6.000	-
2	Phải trả cho người bán	13.764	12.056	16.196	19.440
3	Người mua trả tiền trước	7.301	1.253	1.338	19.946
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.471	1.032	5.280	7.683
5	Phải trả người lao động	17.342	9.377	26.232	43.573
6	Chi phí phải trả	-	-	-	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.600	19.135	4.521	9.436
8	Phải trả các đơn vị nội bộ	-	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	608	607	2.955	1.110
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>76.474</b>	<b>39.986</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-
3	Vay và nợ dài hạn	76.474	39.986	-	-
4	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-
5	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>119.937</b>	<b>134.562</b>	<b>62.524</b>	<b>101.191</b>

**5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**5.1. Cổ phần**

- Cổ phiếu phổ thông: 50.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 88.290 cổ phiếu



- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 49.961.646 cổ phiếu

## 5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>1</b>	<b>49.060.387</b>	<b>98,02%</b>
<b>1</b>	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T		49.060.387	98,02%
<b>II</b>	<b>CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC</b>	<b>2</b>	<b>79.690</b>	<b>0,16%</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trong nước:	2	79.690	0,16%
	- Ngoài nước	0	0	0%
<b>III</b>	<b>CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN</b>	<b>616</b>	<b>909.859</b>	<b>1,82%</b>
	-Trong nước	616	909.859	1,82%
	- Ngoài nước	0	0	0%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>619</b>	<b>50.049.936</b>	<b>100%</b>

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn Nhà nước sở hữu tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T: 49.060.387 cổ phần (98,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh).

## 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## 5.5. Các chứng khoán khác

Không có

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2015

1.1. *Chỉ tiêu SXKD*

- Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2015 đạt **8,4** triệu tấn, tăng **20,5%** so kế hoạch năm và tăng **1,9** triệu tấn (**30,4%**) so năm 2014. Trong đó, hàng TĂCN gần 6 triệu tấn (chiếm 71%), dăm gỗ gần 1 triệu tấn (chiếm 11,4%).
- Sản lượng hàng hóa xếp dỡ đạt gần **8,8** triệu tấn, tăng **19,6%** so kế hoạch năm và tăng **2,2** triệu tấn (**33,4%**) so năm 2014.
- Doanh thu các dịch vụ đạt **421** tỷ đồng, tăng **23,8 %** so kế hoạch năm và tăng **100** tỷ đồng (**31,1%**) so năm 2014. Trong đó, doanh thu bốc xếp đạt 252 tỷ đồng (chiếm 65%). Ngoài ra thu từ vận chuyển, giám định, cân hàng và bảo vệ tăng đột biến so năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế đạt **46,9** tỷ đồng, tăng **113%** so kế hoạch năm và tăng **34** tỷ đồng (**260 %**) so năm 2014.

1.2. *Chỉ tiêu tài chính*

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 là **634,1** tỷ đồng, tăng **64** tỷ đồng (**11,3%**) so với năm 2014.
- Khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2015 là **279** tỷ đồng, trong năm 2015 thực hiện trích khấu hao là **45** tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 là **541,5** tỷ đồng, tăng **34** tỷ đồng (**6,7%**) so năm 2014, chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn năm 2015 thực hiện là **11,3** tỷ đồng, tăng **5,26** tỷ đồng so với năm 2014.
- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn năm 2015 thực hiện là **34,6** tỷ đồng, tăng **16,6** tỷ đồng so với năm 2014.

1.3. *Thu nhập bình quân người lao động* đạt 10,1 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 12,2% so kế hoạch năm và tăng 23,2% so với năm 2014.

1.4. *Các hạng mục đầu tư mới phục vụ sản xuất*

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (đồng)
1	Ngoạm điều khiển từ xa 20 m <sup>3</sup>	02 chiếc	3.256.000.000
2	Trạm cân 120T bên 5,6,7	01 chiếc	968.036.000
3	Phễu rót hàng rời	02 chiếc	2.039.482.500
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.263.518.500</b>

2. **Đánh giá**

2.1. **Đánh giá hoạt động kinh doanh**

2.1.1. *Đạt được*

- Các chỉ số kinh doanh đều tăng so với năm 2014.
- Tích cực phát triển thêm 23 khách hàng TĂCN mới và 7 khách hàng khác, tuy nhiên số lượng khách hàng các ngành hàng khác giảm 30 khách hàng. Do vậy, vẫn duy trì ổn định lượng khách hàng bằng năm 2014.
- Làm tốt công tác đối ngoại, hợp tác với CICT để đưa các tàu hàng sang cảng CICT khai thác nên đã giảm thiểu ngày tàu chờ cầu, giữ được khách hàng, tăng sản lượng hàng thông qua cảng, mặc dù CICT đã bổ sung dịch vụ khai thác hàng rời.



- Công tác kiểm soát thu hồi công nợ đạt được kết quả nhất định:
  - + Dư nợ giảm mạnh, số còn phải thu thuần tính đến 31/12/2015 chỉ còn 35,7 tỷ đồng so với dư nợ đầu năm là 76,6 tỷ đồng.
  - + Nợ xấu giảm mạnh (tuổi nợ từ 3 – 10 năm): từ 23 tỷ đồng, nay còn khoảng 14,5 tỷ đồng
  - + Số lượng khách hàng thuộc nhóm nợ xấu giảm từ 25 xuống còn 16 khách hàng.
- Vòng quay phải thu tăng nhanh, thời gian thu tiền được rút ngắn lại: trước đây là 77 ngày, nay chỉ còn 28 ngày trong khi thời hạn thu tiền quy định theo hợp đồng là 20-30 ngày.
- Thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ thuê ngoài:
  - + Vận chuyển nội bộ: giá giảm 23 % so với đầu năm;
  - + Dịch vụ thuê cầu nổi: giá giảm 21,43% so với đầu năm;
  - + Dịch vụ giám định hàng hóa: giá giảm 50% so với đầu năm.

### 2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh còn chưa chặt chẽ, còn thiếu thực tế, chưa hoạch định được chiến lược dài hạn do đó không định vị được mặt hàng chiến lược mang lại tỉ suất lợi nhuận cao để có lộ trình đầu tư trang thiết bị đáp ứng sản xuất trong điều kiện sản lượng ngày càng tăng.
- Công tác hoạch định chiến lược đối với từng ngành hàng còn yếu do việc phân tích ngành hàng chưa được chú trọng dẫn đến đầu tư không kịp thời, bị động trong việc triển khai ký kết hợp đồng thương vụ.
- Chưa có các quy trình trong hoạt động kinh doanh dẫn đến chậm tiến độ thực hiện, đùn đẩy trách nhiệm và gây khó khăn cho khách hàng.
- Công tác tham mưu đàm phán ký kết hợp đồng chưa sâu sắc, hầu hết các điều khoản hợp đồng không chặt chẽ, tính pháp lý không cao; mặt khác khách hàng không thực hiện đúng cam kết trong việc: ứng tiền, thời hạn thanh toán, thời gian luân chuyển chứng từ,...
- Giá bán dịch vụ chưa được xây dựng trên cơ sở tính giá thành phù hợp, dẫn đến chênh lệch giá lớn so với thị trường.
- Công tác thu hồi công nợ chưa được chú trọng, dẫn đến nợ kéo dài, dư nợ cao, phát sinh nhiều khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi.
- Thông tin về thị trường hàng hóa còn thiếu, dữ liệu về tàu cập cảng chưa đầy đủ và chính xác dẫn đến luôn bị động trong quá trình triển khai tiếp nhận xếp dỡ hàng hóa.
- Kế hoạch tiếp cận khách hàng chưa chuyên nghiệp và kịp thời nhất là đối với các khách hàng hàng mới, mặt hàng mới.
- Công tác phân tích khách hàng chưa được triển khai thường xuyên; chưa có chính sách hỗ trợ khách hàng cụ thể (chính sách giảm giá, hoa hồng) đối với một số mặt hàng, khách hàng dẫn đến giá dịch vụ không linh hoạt với thị trường theo từng thời điểm.
- Công tác sale & marketing còn yếu và thiếu (chưa có nhân sự chuyên trách), hiện nay chủ yếu là khách hàng tự tìm đến cảng.
- Hoạt động quảng cáo, truyền thông còn hạn chế, chỉ đơn thuần quảng cáo trên các báo chí có mối quan hệ với cảng (đối ngoại). Chưa thường xuyên tổ chức gặp gỡ các khách hàng.
- Việc nắm thông tin mặt hàng, sản lượng, giá cả của các đối thủ cạnh tranh ký với khách hàng chưa kịp thời dẫn đến bị động trong việc thuyết phục khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng.
- Chưa chủ động đưa ra các ý tưởng kinh doanh mới, chỉ đến khi tình hình kinh doanh khó khăn mới đưa ra giải pháp tạm thời dẫn đến không đảm bảo hiệu quả kinh doanh lâu dài.
- Chức năng nhiệm vụ không rõ ràng và không phù hợp; chưa chuẩn hóa được các chức danh công việc, định biên nhân sự và mô tả công việc cho các vị trí.



- Chất lượng nhân sự kinh doanh còn yếu: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đàm phán, giao dịch còn rất hạn chế; Công việc xử lý theo sự vụ hàng ngày, không xây dựng kế hoạch làm việc cụ thể, giao việc còn chung chung.
- Quản lý điều hành trong hoạt động kinh doanh không thông suốt, vai trò của lãnh đạo chưa được thể hiện rõ ràng; thiếu tính quyết liệt, giao việc không cụ thể, công tác giám sát và đánh giá kết quả còn hời hợt.
- Công tác phối hợp giữa bộ phận kinh doanh và các đơn vị liên quan rất kém, do đó không chủ động trong việc phản hồi thông tin và xử lý các vướng mắc khi khách hàng yêu cầu.
- Chưa khai thác hết các dịch vụ tiềm năng và thế mạnh của Cảng như: dịch vụ cho tàu, đại lý tàu, dịch vụ logistics, thủ tục hải quan,... Trong khi đó nguồn thu chính hiện nay chỉ là hoạt động xếp dỡ thuận túy.

### 2.1.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Do công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần và tiếp sau đó là thay đổi quyền sở hữu cho Tập đoàn tư nhân nên việc nắm bắt các quy định mới chưa được kịp thời.
- Nhân sự kinh doanh mỏng, chưa có nhân viên chuyên về marketing, nhân sự hiện tại chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thương vụ dẫn đến không bao quát được tình hình thị trường. Do đó, không nắm bắt được thường xuyên tình hình từng thị trường khách hàng, ngành hàng.
- Đối với bộ phận kinh doanh chưa có chuyên trách về Marketing nên việc thu thập, phân tích thị trường còn thiếu và yếu dẫn đến việc lập kế hoạch kinh doanh thiếu tính thực tế.
- Cầu bến hạn chế, thiết bị thiếu, đầu tư mới bổ sung và thay đổi công nghệ trang thiết bị chậm.
- Chưa quyết liệt trong vấn đề giao việc, giao chỉ tiêu, tiến độ thời gian hoàn thành, không tạo ra áp lực đối với nhân viên.
- Đánh giá công việc của nhân viên còn hời hợt dẫn đến nhân viên không có định hướng cụ thể.

## 2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

### 2.2.1. Đạt được

- Năng suất xếp dỡ các mặt hàng đều tăng trưởng, trong đó hàng nông sản năng suất tăng đến 71% so với năm 2014;
- Tỷ lệ hao hụt hàng hóa thức ăn chăn nuôi luôn duy trì dưới 0,2% và có xu hướng giảm dần so với năm 2014.
- Chủ động tổ chức đưa tàu sang cảng CICT khai thác, dỡ hàng ngoài vùng neo, bố trí sắp xếp cầu bến cho các tàu ra vào hợp lý, hạn chế ngày trống cầu và ngày tàu chờ cầu.

### 2.2.2. Những tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Công tác điều hành còn qua nhiều khâu, chồng chéo gây khó khăn cho khách hàng và chủ tàu trong quá trình trao đổi thông tin về giao nhận, xếp dỡ hàng hóa.
- Vai trò điều hành trực tiếp còn chưa thực tế, thiếu tính chủ động để giải quyết theo chức năng của mình mà vẫn phải có lãnh đạo cảng chỉ đạo trực tiếp.
- Việc tính toán sắp xếp bố trí cầu bến cho tàu cập cầu cảng chưa hợp lý, vẫn để tình trạng tàu chờ cầu, để xảy ra một số tàu ký năng suất thường phạt vẫn bị phạt do không bố trí được cầu bến.
- Mặc dù thường xuyên tăng cường kiểm soát an ninh về hàng hóa nhưng vẫn để xảy ra tình trạng trộm cắp hàng hóa.
- Công tác an toàn lao động vẫn để xảy ra mất an toàn lao động gây chết người.
- Việc xử lý hàng tồn thất đối với một số tàu thức ăn chăn nuôi còn lúng túng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất giải phóng tàu.



- Việc giải quyết các kiến nghị của khách hàng về sai lệch cân chưa được kịp thời, thường xuyên.
- Việc bố trí phương tiện sà lan của các chủ hàng nhận hàng từ tàu vẫn để xảy ra tình trạng thiếu công bằng dẫn đến khách hàng thường xuyên phản ánh với cảng.
- Hệ thống cầu bến chưa đáp ứng nhu cầu các tàu lớn đến làm hàng, tàu luôn phải chờ cầu; thiếu cầu bến để làm hàng sà lan.
- Các trang thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ của cảng hầu hết đã cũ, lạc hậu, thường xuyên hư hỏng dẫn đến việc tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa cũng gặp khó khăn.
- Chưa thực hiện đúng quy định về thời gian giao ca của cả công nhân cảng lẫn phía chủ hàng, giám định và bảo hiểm.
- Do lượng tàu đến cảng bất bình hành vì vậy đôi lúc đã gây áp lực lớn trong việc bố trí cầu bến cho tàu vào làm hàng ( có những lúc 4-5 tàu hàng thức ăn chặn nuôi làm hàng trong cầu) trong khi đó thiếu vị trí sang mạn sà lan (thường chỉ có 3 vị trí ).

### 2.2.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Tư duy lãnh đạo các đơn vị còn mang nặng cơ chế cũ.
- Công tác nhân sự, đề bạt các vị trí lãnh đạo tại các đơn vị chưa phù hợp với nhu cầu công việc.
- Việc giao trách nhiệm cho các đơn vị chưa được cụ thể, rõ ràng về nội dung công việc và tiến độ thực hiện.
- Có thời điểm số lượng tàu đến nhiều, cầu bến hạn chế dẫn đến không chủ động việc tiếp nhận khai thác các tàu hàng.
- Việc đầu tư bổ sung mới và sửa chữa trang thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ còn chậm so với tiến độ, chưa đáp ứng yêu cầu về tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa.
- Việc tuyên truyền, phổ biến và kiểm soát thực hiện quy trình an toàn lao động chưa chặt chẽ và quyết liệt.
- Do ý thức chưa chuyên nghiệp của người công nhân và việc hạn chế số người tại hiện trường của chủ hàng, giám định và bảo hiểm trong khu vực cảng.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược

#### 3.1.1. Mục tiêu

##### a) Mục tiêu kinh doanh :

- Đẩy mạnh hoạt động sale & marketing nhằm hoàn thành chỉ tiêu : Sản lượng hàng hóa tăng 5 -10%; Doanh thu dịch vụ tăng 5 - 7%; Lợi nhuận trước thuế tăng : 14,3%.
- Khai thác tối đa lợi thế Cảng nước sâu và thế mạnh khai thác mặt hàng TACN nhằm mục tiêu khai thác trên 90% sản lượng TACN khu vực Miền Bắc.
- Khai thác tối đa khách hàng xuất khẩu, nhập khẩu khu vực thị trường Quảng Ninh (Dăm gỗ, xi măng, quặng, sắt thép...). Xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với khách hàng nhằm tăng trưởng sản lượng, doanh thu.
- Phát triển thêm dịch vụ mới: đại lý hàng hải, Logistic, triển khai hoạt động Công ty CP Ngôi Sao Hạ Long (Cảng góp vốn 20%) thông qua hình thức liên doanh, liên kết hoặc thành lập mới nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Cảng.
- Đẩy mạnh hoạt động công tác chăm sóc khách hàng, tạo sự gắn kết sâu sắc giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tạo niềm tin cho khách hàng khi hợp tác với Công ty.



- Xây dựng và chuẩn hóa các quy trình trong hoạt động kinh doanh: quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, quy trình tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí cho Công ty.
- b) *Mục tiêu trong sản xuất :*
  - Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng: tăng năng suất xếp dỡ bình quân 12,5%; Giảm tỉ lệ hao hụt hàng hóa (dưới mức 0,2 % hiện nay); Giảm số giờ chờ cầu của tàu; rút ngắn thời gian làm hàng nhằm giảm thiệt hại phạt tàu cho khách hàng và Cảng.
  - Tiết giảm chi phí trong sản xuất. Cơ cấu tổ chức lại các hoạt động sản xuất để đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả cao; xây dựng hệ thống quy trình điều hành sản xuất, quy trình tác nghiệp chuẩn và đưa vào thực hiện.
  - Rà soát đánh giá lại toàn bộ thực trạng trang thiết bị sản xuất, CCDC, hệ thống nhà kho, bến bãi để có giải pháp trong vấn đề khai thác hiệu quả của thiết bị, kho, bãi và có kế hoạch đầu tư mới phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.
  - Chuyển hướng kinh doanh một số mặt hàng nhỏ, lẻ chuyên chở trên tàu nhỏ có cần cầu để khai thác ngoài vùng neo và tập trung khai thác tàu trọng tải lớn tại cầu.

### 3.1.2. Định hướng chiến lược

#### a) *Trong hoạt động kinh doanh*

- Lấy ngành hàng TACN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TACN là trọng tâm, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống ( Sắt vụn, dăm gỗ, ...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.
- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thường phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu, giảm chi phí giá thành.
- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược : Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.
- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong 03 năm qua.
- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.
- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

#### b) *Trong hoạt động sản xuất*

- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khâu hao, giảm chi phí trong sản xuất.
- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.
- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.



- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng sản phẩm xuất ra thị trường.
  - Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.
  - Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, CCDC phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
  - Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.
  - Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2016.
- c) *Trong quản lý điều hành.*
- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, bố trí nhân sự các phòng ban phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý cho Công ty.
  - Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế...nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.
  - Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.
  - Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.
  - Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

### 3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

#### 3.2.1. Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng trưởng và quy mô của Công ty 3 năm gần đây (2013 – 2015).
- Căn cứ tình hình dự báo về khách hàng, ngành hàng, kế hoạch sản lượng dự kiến của khách hàng trong năm 2016.
- Căn cứ năng lực cầu bến, khả năng tiếp nhận tàu trong cùng một thời điểm.
- Căn cứ kế hoạch đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng năm 2016.
- Căn cứ chỉ tiêu năng suất xếp dỡ trong năm 2016.
- Căn cứ vào cơ sở hạ tầng hiện tại: mặt bằng, bãi, hệ thống kho,...
- Căn cứ vào năng lực thiết bị, công cụ dụng cụ hiện tại và kế hoạch đầu tư cho năm 2016.
- Căn cứ vào thời tiết ( các ngày mưa trong năm) và vụ mùa của các mặt hàng tại Cảng.
- Căn cứ môi trường kinh doanh tại địa phương, trong khu vực và cả nước.
- Căn cứ chính sách vĩ mô của Nhà nước và các dự báo trong thời gian tới.

#### 3.2.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2016

TT	Chỉ tiêu năm 2016	ĐVT	KH 2016	TH 2015	Tăng trưởng	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
I	Chỉ tiêu hoạt động					



	SXKD					
1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.815.000	8.433.975	381.025	4,5
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn	9.250.000	8.791.876	858.124	5,2
3	Doanh thu	Tỷ đồng	442	421,0	21	5,0
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	53,6	46,9	6,7	14,3
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>					
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	816	634,1	182,1	28,72
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	574	541,5	32,0	5,91
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	445	427	18	4,2
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	42,9	38,8	4,1	10,5
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu lao động</b>					
1	Số lượng lao động	Người	898	874	24,0	2,75
2	Thu nhập bình quân	Tr.đ/người	11	10,1	0,9	8,9

### 3.2.3. Kế hoạch đầu tư

- Về xây dựng cơ bản

- Đồi thượng lưu Bến 1:
  - Hoàn thiện thủ tục thuê đất dài hạn
  - Thiết kế quy hoạch
  - Xây dựng CSHT: đường, hệ thống thoát nước, điện,...
- Dự án bến số 8, 9: hoàn thiện thủ tục xin đầu tư
- Bến tạm tại hạ lưu cầu 7 khai thác tàu thủy nội địa
- Cải tạo và nâng cấp nhà kho B090
- Khu nhà dịch vụ tại cổng Cảng

- Về đầu tư mua sắm trang thiết bị

TT	Tên thiết bị, CCDC	Số lượng	Diễn giải
1	Cầu bờ di động	01 chiếc	Năng lực tương đương cầu Liebherr 250
2	Xe cuốn	02 chiếc	Gàu ngoạm 3,5m <sup>3</sup>
3	Xe xúc lật	02 chiếc	
4	Xe gạt	02 chiếc	
5	Xe tải	10 chiếc	Chở hàng rời
6	Tàu lưu trú phục vụ làm hàng ngoài vịnh	01 chiếc	
7	Ngoạm điều khiển từ xa	02 chiếc	25m <sup>3</sup>
8	Băng tải	02 chiếc	
9	Hệ thống phần mềm		Quản lý hàng rời, Quản lý kho
10	Hệ thống camera giám sát		

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới phục hồi chậm và có những biến động rất phức tạp. Trong nước, nền kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, chính phủ cơ bản kiềm chế được lạm phát gia tăng cao thời gian vừa qua. Đối với Công ty việc thực hiện các mục tiêu doanh thu lợi nhuận đã đề ra cho năm 2015 là vô cùng khó khăn. Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã đề ra nhiều giải pháp thực hiện gắn liền với mục tiêu phát triển tập trung vào các giá trị cốt lõi của Công ty.



## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo chấp hành đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đạt được các mục tiêu định hướng của Công ty trong năm 2016.

Hội đồng quản trị tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

## V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

### 2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong

đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên ban kiểm soát

Trong năm 2015, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc (BGĐ) năm 2015 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGĐ trong năm 2015;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đối với HĐQT và BGĐ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Tt	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao/ tháng (VNĐ)	Tổng số tiền thù lao năm 2015 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Ủy viên HĐQT	04	12	3.000.000	144.000.000
3	Trưởng BKS	01	12	3.000.000	36.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
<b>Tổng số</b>					<b>276.000.000</b>

- Thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016:



TT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền 2015 (VNĐ)
1	Vốn điều lệ		500.499.360.000
2	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.844.056.510
3	Trả cổ tức	7.0%	35.034.955.200
4	Lợi nhuận sau khi trả cổ tức		3.809.101.310
5	Phân phối các quỹ		3.809.101.310
a	Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty.		<b>431.760.000</b>
b	Lợi nhuận còn lại phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.377.341.310

- Tổng hợp lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

(Đơn vị: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng ngày lễ, tết	Tiền thưởng BĐH năm 2014 QĐ 344/QĐ-TCTL 29/6/2015	Tổng cộng	Bình quân
1	2	3	4	5	6	7 = 4 + 5 + 6	8 = 7/t
1	Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc	502,359,063	16,000,000	78,840,515	597,199,578	49,766,632
2	Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc	474,363,907	16,000,000	72,823,417	563,187,324	46,932,277
3	Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc	474,636,907	16,000,000	72,823,417	563,460,324	46,955,027
4	Đình Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	446,914,752	16,000,000	58,750,055	521,664,807	43,472,067
5	Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc	223,457,376	8,000,000		231,457,376	38,576,229
6	Lê Trung Dũng	Kế toán trưởng	419,192,564	16,000,000		435,192,564	36,266,045
<b>Tổng cộng</b>			2,540,924,569	88,000,000	283,237,404	2,912,161,973	

Ghi chú: - t: số tháng làm việc tại Công ty

4. Các giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

## 6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến nay, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã trải qua nhiều biến động về mô hình và chủ sở hữu, do đó hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

### 1. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Theo ý kiến của Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

( Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://www.quangninhport.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH



Bùi Quang Đạo